

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI LỘC
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2025/DS-ST
Ngày 19-6-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI LỘC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Ngô Tấn Nhựt.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Kim Đình;
- Ông Võ Văn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 04/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025; Quyết định Hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1). Địa chỉ trụ sở chính: Số B- B đường N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Quang H - Chức vụ: Phó giám đốc Phòng S1. Địa chỉ: Số C H, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. (*Văn bản uỷ quyền số 123/2023/GUQ-PGDĐL ngày 29/12/2023*). Có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Bị đơn: ông Cao Văn L, sinh năm: 1982. Địa chỉ: thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án, bảng trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thể hiện:

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, ông Cao Văn L có ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ

tín dụng kiêm hợp đồng- các tài liệu được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Cao Văn L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng (Số tài khoản thẻ: 3552349452) với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Cao Văn L đã thực hiện các giao dịch phát sinh dư nợ với tổng số tiền là 50.000.000 đồng và đã được S1 quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng N về lãi suất cho vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 02 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 15/9/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Ngân hàng đã làm việc với ông L nhiều lần nhưng ông L vẫn không thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Cao Văn L có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền còn nợ Ngân hàng là 105.479.437 đồng (trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng, lãi trong hạn là 36.986.291 đồng, lãi quá hạn là 18.493.146 đồng) tính đến ngày 19/6/2025 và tiếp tục trả nợ lãi theo thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi trả nợ xong.

Theo bảng trình bày ngày 20/02/2025 của bị đơn ông Cao Văn L trình bày: ông thừa nhận vào ngày 18/8/2022, ông có ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) hợp đồng thẻ tín dụng với hạn mức là 50.000.000 đồng. Hiện nay, Ngân hàng yêu cầu ông trả số tiền gốc là 50.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/3/2024 là 20.750.120 đồng, ông thống nhất trả số tiền trên cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) khởi kiện về việc yêu cầu ông Cao Văn L, nơi cư trú: thôn K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam phải thanh toán nợ vay tính đến ngày 19/6/2025 là 105.479.437 đồng (trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng, lãi trong hạn là 36.986.291 đồng, lãi quá hạn là 18.493.146 đồng) cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) theo hợp đồng tín dụng thẻ tín dụng đã ký kết. Căn cứ các Điều 26, 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

[1.2] Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Quang H có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với

bị đơn ông Cao Văn L, quá trình giải quyết vụ án, ông Cao Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông L không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) và ông Cao Văn L đã thỏa thuận ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng- các tài liệu được gọi chung là hợp đồng) ngày 18/8/2022 (Số tài khoản thẻ: 3552349452). Sau khi được cấp thẻ, ông Cao Văn L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền dư nợ gốc là 50.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ do ông Cao Văn L vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng nên đến ngày 15/9/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử (19/6/2025), ông Cao Văn L còn nợ Ngân hàng tổng cộng số tiền là 105.479.437 đồng (trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng, lãi trong hạn là 36.986.291 đồng, lãi quá hạn là 18.493.146 đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18/8/2022 (kèm theo Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) với ông Cao Văn L trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Cao Văn L đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thông báo giao dịch của Ngân hàng, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Cao Văn L vẫn không trả được nợ. Do đó, ngày 15/9/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Cao Văn L và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn trên toàn bộ dư nợ theo quy định của Ngân hàng. Như vậy, ông Cao Văn L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên được cấp thẻ như thỏa thuận tại hợp đồng. Việc khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) yêu cầu Tòa án buộc ông Cao Văn L phải trả số tiền 105.479.437 đồng (trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng, lãi trong hạn là 36.986.291 đồng, lãi quá hạn là 18.493.146 đồng) tính đến ngày 19/6/2025 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 280 của Bộ luật dân sự; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần được chấp nhận. Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 20/6/2025 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18/8/2022 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) cho đến khi ông Cao Văn L thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) được chấp nhận nên bị đơn ông Cao Văn L phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, 463, 466, 468, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” với bị đơn ông Cao Văn L.

2. Buộc ông Cao Văn L phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) số tiền là 105.479.437 đồng (trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng, lãi trong hạn là 36.986.291 đồng, lãi quá hạn là 18.493.146 đồng) tính đến ngày 19/6/2025.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 20/6/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Cao Văn L thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Cao Văn L phải chịu 5.274.000 (*Năm triệu, hai trăm bảy mươi bốn ngàn*) đồng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.769.000 (*Một triệu, bảy trăm sáu mươi chín ngàn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016863, ngày 29/10/2024.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Đại Lộc;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Tấn Nhựt